

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:98/2023/DS-ST.

Ngày: 14/8/2023

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Trường

Ông Nguyễn Ngọc Trứ

Thư ký phiên toà: Ông Thân Văn Đông - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên toà: Ông Ngô Đức Nghiêm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14/8/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số:73/2023/TLST- DS ngày 21/3/2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2023/QĐXXST-DS ngày 08/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2023/QĐST-DS ngày 28/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 103/2023/QĐST-DS ngày 15/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1961 – Có mặt
Nơi cư trú: TDP Trung Đông, thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- **Bị đơn:** Anh Lê Phương N, sinh năm 1977 – Vắng mặt
Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1983 – Vắng mặt
Nơi cư trú: TDP Văn Tự, thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1983 – Vắng mặt
Nơi cư trú: TDP Tân Kết, thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Chị Nguyễn Thị L1, sinh năm 1986 – Vắng mặt
Chị Nguyễn Thị L2, sinh năm 1988 – Vắng mặt
Chị Nguyễn Thúy H, sinh năm 2002 – Vắng mặt
Cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 2007 (do chị Nguyễn Thị Hằng đại diện theo pháp luật). Vắng mặt

(Chị L, chị L1, chị L2, chị H, cháu Đ đều do ông Nguyễn Văn Ch, chị Nguyễn Thị L đại diện theo giấy ủy quyền ngày 31/3/2023)
Nơi cư trú: TDP Trung Đồng, thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.
Ông Lê Văn Điều, sinh năm 1962 – Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.
Nơi cư trú: TDP Đông Ngàn, thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ch trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết vợ chồng anh Lê Phương N, vợ là Nguyễn Thị Th ngày 01/3/2018, ông Chung có cho anh Nam, chị Thanh vay số tiền 110.000.000 đồng. Khi vay, hai bên có viết giấy vay tiền đề ngày 01/3/2018, hai bên không thỏa thuận lãi suất, thỏa thuận thời hạn trả là 30 ngày. Đến thời hạn trả nợ ông Chung đã nhiều lần yêu cầu anh Nam, chị Thanh thanh toán trả nợ nhưng anh Nam, chị Thanh không trả.

Nay ông yêu cầu Tòa án buộc anh Nam, chị Thanh phải trả cho ông số tiền là 110.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất là 10%/năm từ ngày đến hạn trả 02/4/2018 đến khi thanh toán xong số tiền đã vay.

Bị đơn anh Lê Phương N tại biên bản ghi lời khai trình bày:

Do có quan hệ quen biết với ông Chung, năm 2018 anh có vay của ông Chung số tiền là 70.000.000 đồng để làm ăn phát triển kinh tế gia đình, hai bên thỏa thuận lãi suất theo lãi suất của Ngân hàng, thời hạn vay khi nào ông Chung cần đến thì trả, giữa ông Chung và anh có viết giấy vay nợ. Sau khi vay một thời gian, ông Chung cần tiền đòi anh nhưng do anh không có tiền để trả do vậy ngày 01/3/2018 anh có viết lại giấy vay nợ với ông Chung và nhận nợ số tiền là 110.000.000 đồng là 30 ngày, không ghi lãi suất vay nhưng thỏa thuận miệng với nhau là bằng lãi suất Ngân hàng. Đối với giấy vay nợ số tiền 70.000.000 đồng ban đầu ông Chung là người giữ, anh không có để cung cấp cho Tòa án.

Từ khi viết giấy vay nợ ngày 01/3/2018 với số tiền vay nợ là 110.000.000 đồng đến nay anh chưa trả cho ông Chung được đồng nào tiền lãi và tiền gốc đã vay.

Nay anh đồng ý trả cho ông Chung số tiền như chót nợ ngày 01/3/2018 và đồng ý tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 02/4/2018 là ngày chót nợ, nhưng xin trả dần.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Th đã được Thông báo thụ lý vụ án và Triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không có ý kiến về việc khởi kiện.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị L2 tại biên bản ghi lời khai trình bày:

Chị Lan, chị Liên, chị Loan là con đẻ của ông Nguyễn Văn Ch và bà Đặng Thị Lý, bà Đặng Thị Lý chết ngày 28/10/2020. Về việc anh Lê Phương N vay tiền của ông Nguyễn Văn Ch, bà Đặng Thị Lý như nào các chị không lắm được vì là tiền của ông Chung.

Nay ông Chung yêu cầu anh Lê Phương N trả số tiền đã vay các chị không có yêu cầu hay đề nghị gì về số tiền này.

Chị Nguyễn Thúy H và cháu Nguyễn Tiến Đ do bà Nguyễn Thị Hiền đại diện theo pháp luật trình bày:

Chị Hằng và cháu Đạt là con trai của anh Nguyễn Văn Hưng (chết năm 2002) và là cháu nội ông Nguyễn Văn Ch, bà Đặng Thị Lý. Số tiền ông Chung cho ông Lê Phương N vay mượn như nào chị Hằng, cháu Đạt không lắm được vì đây là tiền của ông Chung. Nay ông Chung yêu cầu ông Lê Phương N trả số tiền đã cho vay chị Hằng, cháu Đạt do chị Hiền đại diện không có ý kiến gì về số tiền này.

Ông Lê Văn Điều trình bày: Ông và anh Lê Phương N có quan hệ họ hàng, năm 2018 anh Nam có lên nhà ông hỏi ông cho mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông, ông đồng ý. Còn việc anh Nam mượn làm gì ông không biết. Nay Tòa án làm việc về việc anh Nam cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông để vay tiền ông Chung, ông yêu cầu ông Chung trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn là chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lê Phương N chấp hành đúng quy định tố tụng dân sự, chị Nguyễn Thị Th không chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Về ý kiến giải quyết vụ án:

Áp dụng Điều 357; Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27; Điều 37 Luật hôn nhân gia đình; Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thi miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Ch buộc anh Lê Phương N, chị Nguyễn Thị Th phải có nghĩa liên đới trả cho ông Nguyễn Văn Ch số tiền 169.033.040 đồng (trong đó tiền gốc vay là 110.000.000 đồng, tiền lãi là 59.033.040 đồng).

Buộc ông Nguyễn Văn Ch trả lại cho ông Lê Văn Điều giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri BU 344914 mang tên ông Lê Văn Điều, sinh năm 1962 được UBND huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 22/7/2014 vào sổ cấp số CH 001109.

Về án phí: Anh Lê Phương N, chị Nguyễn Thị Th phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm, ông Nguyễn Văn Ch không phải chịu án phí DSST.

Đề nghị tuyên quyền kháng cáo cho đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là anh Lê Phương N, chị Nguyễn Thị Th có nơi cư trú tại TDP Đông Ngàn, thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa thụ lý vụ án theo quy định tại các Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật và thời hiệu khởi kiện: Căn cứ đơn khởi kiện của ông Chung và các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn thể hiện ông Chung khởi kiện đòi bị đơn số tiền theo giấy vay tiền đề ngày 01/3/2018, Tòa án thụ lý vụ án và xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Kể từ thời hạn trả nợ vay đến nay cho dù đã quá 03 năm tuy nhiên phía nguyên đơn và bị đơn đều xác định đã nhiều lần yêu cầu trả nợ từ ngày kết thúc thời hạn vay tiền ghi trong giấy vay tiền đến nay, hai bên cũng không có ý kiến gì về yêu cầu áp dụng thời hiệu, do vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tranh chấp hợp đồng vay tài sản được thụ lý vụ án, giải quyết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc vắng mặt của đương sự: Anh Lê Phương N, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh Lê Phương N có đơn đề nghị vắng mặt, chị Thanh vắng mặt, Tòa án đã tiến hành phiên họp công khai việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại các Điều 207; Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay anh Nam có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Thanh vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b Điều 227 – Bộ luật tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt họ.

[2]. Xem xét yêu cầu của người khởi kiện:

Về số tiền gốc, xác định nghĩa vụ trả nợ: Ngoài đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai ông nhường nộp cho Tòa án tài liệu chứng cứ là giấy vay tiền đề ngày 01/3/2018 có chữ ký của bị đơn anh Lê Phương N. Phía bị đơn anh Lê Phương N có lời khai thừa nhận vợ chồng có vay tiền của ông Chung, anh Nam là người trực tiếp nhận tiền và ký trong giấy vay tiền với số tiền là 110.000.000 đồng, mục đích vay để làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Chị Thanh là vợ anh Nam tuy không có lời khai nhưng qua lời khai của anh Nam xác định đây là khoản vay của hai vợ chồng để làm ăn phát triển kinh tế gia đình.

Từ ngày ký kết giấy vay tiền và nhận tiền đến nay anh Nam xác định chưa trả cho ông Chung được đồng nào tiền gốc và tiền lãi.

Vì vậy việc ông Chung khởi kiện yêu cầu anh Nam, chị Thanh trả số tiền gốc còn nợ nêu trên là có căn cứ, cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 275; Điều 463; Điều 466; Điều 470 Bộ luật dân sự 2015.

Anh Lê Phương N, chị Nguyễn Thị Th có quan hệ vợ chồng và anh Nam xác định đây là số tiền vợ chồng vay để làm ăn do vậy căn cứ Điều 27; Điều 37 Luật hôn nhân gia đình cần buộc anh Lê Phương N, chị Nguyễn Thị Th liên đới trả cho ông Nguyễn Văn Ch số tiền gốc còn nợ là 110.000.000 đồng.

- Về lãi suất: Ông Nguyễn Văn Ch yêu cầu anh Lê Phương N, chị Nguyễn Thị Th phải trả lãi suất với lãi suất 10%/năm, phía bị đơn anh Lê Phương N đồng ý trả nhưng xin trả dần cả gốc còn nợ và lãi suất.

Do vậy, Hội đồng xét xử xác định tiền lãi suất được tính cụ thể như sau: Từ ngày 02/4/2018 số tiền là 110.000.000 đồng đến ngày 15/8/2023 thời gian được tính lãi là 5 năm 04 tháng 12 ngày bằng: 110.000.000 đồng x 10%/năm x (5 năm 04 tháng 12 ngày) = 59.033.040 đồng.

Đối với yêu cầu tính lãi suất chậm trả kể từ ngày kế tiếp của ngày xét xử sơ thẩm 15/7/2023 đến khi người phải thi hành án thanh toán xong khoản nợ, căn cứ mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự là 10%/năm để buộc anh Lê Phương N, chị Nguyễn Thị Th phải trả lãi cho ông Nguyễn Văn Ch đến khi thực hiện xong nghĩa vụ.

Đối với việc ông Lê Văn Điều yêu cầu ông Nguyễn Văn Ch trả ông Điều giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông, thấy rằng việc ông Nam vay ông Chung và có đưa cho ông Chung một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên ông Lê Văn Điều, giữa ông Điều và anh Nam không có giao dịch chuyển nhượng, cầm cố gì, giữa anh Nam và ông Chung cũng không có giao dịch cầm cố.

Tại phiên tòa hôm nay ông Chung đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Điều, do vậy cần buộc ông Nguyễn Văn Ch trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lê Văn Điều giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri BU 344914 mang tên ông Lê Văn Điều, sinh năm 1962 được UBND huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 22/7/2014 vào sổ cấp số CH 001109 cho ông Lê Văn Điều.

[4] Về án phí: Anh Lê Phương N, chị Nguyễn Thị Th không thuộc đối tượng được miễn án phí nên anh Nam, chị Thanh phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thi miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Ông Nguyễn Văn Ch không phải chịu án phí, và là đối tượng người cao tuổi được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 357; Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 468; Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thi miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Ch.

- Buộc anh Lê Phương N, chị Nguyễn Thị Th phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn Ch số tiền 169.033.040 đồng (trong đó tiền gốc vay là 110.000.000 đồng, tiền lãi là 59.033.040 đồng).

Về nghĩa vụ chậm trả: Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm 15/8/2023 đến khi người phải thi hành án thi hành xong khoản tiền còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Buộc ông Nguyễn Văn Ch trả cho ông Lê Văn Điều giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lê Văn Điều giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri BU 344914 mang tên ông Lê Văn Điều, sinh năm 1962 được UBND huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 22/7/2014 vào sổ cấp số CH 001109.

Về án phí: Anh Lê Phương N, chị Nguyễn Thị Th phải liên đới chịu 8.451.652 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm;

- Hướng dân thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND T. Bắc Giang;
- VKSND H. Hiệp Hòa;
- Chi cục THADS H. Hiệp Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Tuấn

